

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 273/2022/DS-ST

Ngày: 28 – 9 – 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà,
đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Ông Đ Hữu Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Đ Đắc Bắc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 348/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê nhà, đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1954. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường LB, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Anh Trương Thành T, sinh năm: 1980. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường QT, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2022):
Anh Nguyễn Huy Ph, sinh năm: 1977. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường LB, khóm F, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Cao Thái B, sinh năm: 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Đường HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Tấn Đ1, sinh năm: 1971.

(xin vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Kim L, sinh năm: 1976. (xin vắng mặt)

3/ Chị Phạm Nguyễn Tú U, sinh năm: 1996. (xin vắng mặt)

4/ Cháu Cao Mỹ K (Phạm Cao Mỹ K), sinh năm: 2021.

5/ Cháu Cao Thiên Ph (Phạm Cao Thiên Ph), sinh năm: 2019.

Cùng địa chỉ: Đường HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của cháu Cao Thiên Ph và Cao Mỹ K: Chị Phạm Nguyễn Tú U và anh Cao Thái B (là cha, mẹ của cháu Ph và cháu K, là đương sự trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022, ông Nguyễn Văn Đ trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Ông có căn nhà tọa lạc tại số 178, đường HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Năm 2020, con rể ông là anh Trương Thành T (nguyên đơn trong vụ án này) đứng ra cho anh Cao Thái B thuê căn nhà nêu trên, giá thuê 5.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận trả tiền thuê nhà vào đầu mỗi tháng. Việc cho thuê nhà không lập hợp đồng bằng văn bản, không thỏa thuận thời hạn cho thuê. Từ khi thuê, anh B thanh toán tiền thuê nhà đầy đủ đến hết tháng 01/2022, từ tháng 02/2022 đến nay anh B chưa thanh toán. Ông và anh T đã nhiều lần yêu cầu anh B trả tiền thuê nhà và dọn đi nơi khác nhưng anh B không đồng ý.

Khi T cho anh B thuê, trong nhà ông có các tài sản sau: 01 bộ trường kỷ đầu lân chân móng 03 thành gồm 02 ghế, 01 bàn; 01 mặt bàn hình chữ nhật ngang 97cm, dài 197cm; 01 ghế hình người nôi; 01 bình đựng rượu lớn nhũ vàng; 01 tủ LU UY kiểu Pháp; 01 tủ kiểu lùn dùng để đựng ly có khắc chạm hoa văn.

Ông yêu cầu anh Cao Thái B thanh toán cho ông tiền thuê nhà từ tháng 02/2022 đến ngày tòa án xét xử vụ án; yêu cầu anh B và những người đang ở trong căn nhà số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau nêu trên dọn đi, trả lại cho ông căn nhà đã thuê. Đồng thời yêu cầu anh B trả lại cho ông các tài sản mà ông đã nêu trên.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Huy Ph đại diện nguyên đơn trình bày và xác định yêu cầu của ông Đ như sau:

Ông Đ yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà giữa anh Cao Thái B với anh Trương Thành T đối với căn nhà của ông Nguyễn Văn Đ tọa lạc tại số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau, yêu cầu những người đang ở trong căn nhà số 178 nêu trên dọn đi nơi khác; yêu cầu anh B thanh toán tiền thuê nhà từ tháng 02/2022 đến nay với tổng số tiền 35.000.000 đồng; rút lại yêu cầu đòi tài sản đối với anh B.

Anh Trương Thành T trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ có căn nhà tọa lạc tại số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Do ông Đ chưa có nhu cầu sử dụng và ở nên nhờ anh trông coi và giữ gìn. Vào khoảng cuối năm 2020, anh có hỏi ý kiến ông Đ cho bạn anh là anh Cao Thái B thuê nhà để ở. Được sự đồng ý của ông Đ, anh đứng ra cho

anh Cao Thái B thuê căn nhà tọa lạc tại số 178 nêu trên. Anh và anh B thống nhất với nhau tiền thuê nhà mỗi tháng 5.000.000 đồng, tiền thuê nhà trả vào đầu tháng. Từ chỗ quen biết nên anh cho anh B thuê nhà không làm hợp đồng bằng văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói và cũng không ấn định thời gian kết thúc việc thuê, chỉ thỏa thuận khi nào cần lấy lại nhà thì anh cho anh B hay trước 01 tháng để thu xếp dọn đi. Từ khi cho anh B thuê nhà đến tháng 01/2022 anh B có trả tiền thuê nhà cho anh đầy đủ. Tháng 02/2022, ông Đ cần lấy lại căn nhà trên nên anh đã cho anh B và những người đang sinh sống trong căn nhà hay nhưng anh B không đồng ý dọn đi. Từ tháng 02/2022 đến nay anh B chưa thanh toán tiền thuê nhà. Nay anh yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà số 178 HLur với anh B. Do nhà là nhà của ông Đ, ông Đ đồng ý cho anh đứng ra cho thuê căn nhà để lấy tiền lo chi phí sinh hoạt trong gia đình (vợ chồng anh khi đó sống chung với ông Đ) nên anh yêu cầu anh B thanh toán tiền thuê nhà còn nợ từ tháng 02/2022 đến nay cho ông Đ theo yêu cầu của ông Đ. Anh rút lại yêu cầu đòi tài sản đối với anh B.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Cao Thái B: Khoảng năm 2020 anh B có cho anh vay tiền. Lần đầu vay 50.000.000 đồng, anh có viết biên nhận nhận nợ anh B. Lần thứ hai (anh không nhớ ngày, tháng) anh B cho anh vay 20.000.000 đồng, anh không viết biên nhận nhận nợ. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, tiền lãi anh trả cho anh B 9.000.000 đồng/tháng. Từ khi vay thêm 20.000.000 đồng, tiền lãi anh trả cho anh B là 12.600.000 đồng/tháng tính trên tổng số tiền vốn 70.000.000 đồng. Anh không có chứng cứ chứng minh cho việc anh trả lãi tiền vay cho anh B như anh đã nêu. Từ đầu năm 2022, do hoàn cảnh khó khăn nên anh không thanh toán lãi cho anh B. Nay anh đồng ý thanh toán cho anh B 70.000.000 đồng vốn.

Anh Cao Thái B trình bày ý kiến và xác định yêu cầu như sau:

Anh và anh Trương Thành T là bạn bè. Vào khoảng cuối năm 2020 anh có dự định thuê mặt bằng để mở quán ăn. Lúc này anh T có nói với anh rằng anh T có căn nhà tọa lạc tại số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau là tài sản của vợ chồng anh T. Sau đó anh và anh T đi xem nhà. Anh đồng ý và đã thuê căn nhà số 178 HL vào cuối năm 2020, giá thuê thỏa thuận 5.000.000 đồng/tháng. Việc thuê nhà không thỏa thuận thời gian chấm dứt việc thuê. Khi nhận nhà và thỏa thuận việc thuê nhà, anh và anh T thỏa thuận anh cho anh T mượn tiền, anh T không lấy tiền thuê nhà.

Anh thuê nhà để kinh doanh mua bán và đã mua vật dụng cho căn nhà phục vụ cho việc mua bán, kinh doanh từ khi thuê nhà đến nay. Khi anh nhận nhà, ngoài căn nhà thì không có vật dụng, tài sản nào khác trong căn nhà.

Đến tháng 5/2022, ông Đ có đến nói với vợ anh tên Phạm Nguyễn Tú U rằng căn nhà số 178 HL anh đang thuê của anh T thuộc quyền sở hữu của ông Đ và yêu cầu gia đình anh dọn đi nơi khác, trả lại nhà cho ông Đ. Sau đó anh nói với anh T anh đồng ý dọn đi nơi khác với điều kiện anh T thanh toán dứt nợ cho anh. Do đến nay anh T chưa trả tiền cho anh nên anh chưa dọn đi. Nay anh không đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê nhà với anh T. Anh không đồng ý thanh toán tiền thuê nhà theo yêu cầu của ông Đ và anh T.

Căn nhà số 178 HL hiện có những người thân trong gia đình anh đang ở gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Minh Đ1, chị Phạm Nguyễn Tú U cháu Phạm Cao Mỹ K, Phạm Cao Thiên Ph.

Trước khi anh thuê nhà anh số 178 HL, ngày 23/5/2020 anh có cho anh T vay tiền số tiền 50.000.000 đồng, anh Tn có viết biên nhận nhận nợ; lần thứ hai (anh không nhớ ngày, tháng) anh cho anh T vay 20.000.000 đồng, không làm biên nhận. Lần thứ ba (anh không nhớ ngày, tháng) anh cho anh T vay thêm 18.000.000 đồng, cũng không làm biên nhận. Do dịch bệnh, việc kinh doanh của anh T gặp khó khăn, anh T không trả được nợ cho anh. Anh đồng ý giảm cho anh T 2.000.000 đồng tiền vốn vay nên số tiền anh T còn nợ anh là 76.000.000 đồng. Do anh chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh có cho anh T vay số tiền 18.000.000 đồng nên anh rút lại một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu anh B thanh toán cho anh 70.000.000 đồng. Anh không có yêu cầu nào khác liên quan đến việc vay tiền.

Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Minh Đ1 trình bày: Anh Cao Thái B thỏa thuận thuê căn nhà số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau như thế nào ông, bà không rõ. Ông, bà chỉ cùng về ở trong căn nhà số 178 nêu trên. Ông, bà không có quyền lợi gì liên quan đến căn nhà số 178 này. Ông Đ1, bà L không có yêu cầu gì liên quan đến căn nhà số 178 nêu trên. Ông Đức, bà Lanh yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông, bà.

Chị Phạm Nguyễn Tú U trình bày: Anh Cao Thái B thỏa thuận thuê căn nhà số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau như thế nào chị không rõ. Chị và cha mẹ chị chỉ về ở cùng với anh B tại căn nhà số 178 nêu trên sau khi anh B thuê nhà. Chị không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến tranh chấp trong vụ án. Chị tôn trọng ý kiến của anh B. Chị không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến số tiền vay mà anh B và anh Trương Thành T đang tranh chấp. Chị U yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C trình bày quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

+ Tuyên bố chấm dứt hợp đồng thuê nhà giữa anh Trương Thành T với anh Cao Thái B đối với căn nhà tọa lạc tại số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

+ Buộc anh Cao Thái B thanh toán cho anh Trương Thành T và ông Nguyễn Văn Đ tổng số tiền thuê nhà 35.000.000 đồng.

+ Buộc anh T thanh toán cho anh Cao Thái B số tiền 70.000.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh T và ông Đ về việc đòi lại tài sản.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh B về việc yêu cầu anh T thanh toán khoản tiền 16.000.000 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn Đ và anh Trương Thành T khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê nhà với anh Cao Thái B, đòi anh B trả lại tài sản. Anh B phản tố, tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Trương Thành T. Vì vậy tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng thuê nhà, đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn nhà đang tranh chấp tọa lạc tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà: Ông Nguyễn Văn Đ, anh Trương Thành T và anh Cao Thái B đều xác định anh B thỏa thuận với anh T, thuê căn nhà tọa tại số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau với giá 5.000.000 đồng/tháng; việc thuê và cho thuê không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói; không xác định thời hạn thuê, chỉ thỏa thuận khi cần lấy lại nhà thì anh T cho anh Bình hay trước 01 tháng để anh B thu xếp dọn đi; Anh T xác định căn nhà số 178 HL là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ, anh T yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà với anh B, anh Bình đồng ý. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà nêu trên với anh B là có căn cứ chấp nhận. Hiện căn nhà số 178 nêu trên có anh Cao Thái B, chị Phạm Nguyễn Tú U, cháu Cao Mỹ K và Cao Thiên Ph, ông Phạm Minh Đ1, bà Nguyễn Kim L đang ở nên cần buộc những người này đi nơi khác, trả lại căn nhà cho ông Đ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tranh chấp tiền thuê nhà: Ông Đ và anh T đều xác định tiền thuê nhà anh B đã thanh toán xong đến hết tháng 01/2022, từ tháng 02/2022 đến nay anh B chưa thanh toán. Anh B thống nhất với trình bày của anh T về việc anh và anh T thỏa thuận tiền thuê nhà 5.000.000 đồng/tháng nhưng anh không đồng ý thanh toán tiền thuê nhà theo yêu cầu của ông Đ và anh T vì cho rằng anh và anh T đã thỏa thuận anh cho anh T vay tiền, anh T không lấy tiền thuê nhà. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B trình bày anh và anh T thỏa thuận anh cho anh T mượn tiền, anh T không lấy tiền thuê nhà, nhưng anh không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của anh là có căn cứ, trong khi anh T không thừa nhận có thỏa thuận này. Do đó yêu cầu của anh T và ông Đ về việc yêu cầu anh B thanh toán tiền thuê nhà từ tháng 02/2022 đến nay là có căn cứ. Anh T xác định tiền thuê nhà dùng vào việc lo cho chi phí sinh hoạt trong gia đình chứ ông Đ không cho anh T sử dụng riêng nên tiền thuê nhà là tiền của ông Đ. Anh T yêu cầu anh B trả tiền cho chủ căn nhà anh B thuê, ông Đ cũng yêu cầu anh B trả tiền thuê nhà cho ông Đ. Từ tháng 02/2022 đến nay là trên 7 tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán 07 tháng tiền thuê nhà với tổng số tiền 35.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Do đó yêu cầu của anh T và Đ về việc yêu cầu anh B thanh toán tiền thuê nhà cho ông Đ với tổng số tiền 35.000.000 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của ông Đ và anh T về việc yêu cầu anh Cao Thái B trả lại các tài sản gồm: 01 bộ trường kỷ đầu lân chân móng 03 thành gồm 02 ghế, 01

bàn; 01 mặt bàn hình chữ nhật ngang 97cm, dài 197cm; 01 ghế hình người nổi; 01 bình đựng rượu lớn nhũ vàng; 01 tủ LU UY kiểu Pháp; 01 tủ kiểu lùn dùng để đựng ly có khắc chạm hoa văn. Tại phiên tòa, anh Trương Thành T và đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh B về việc đòi anh B trả lại các tài sản nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của anh B về việc yêu cầu anh T thanh toán số tiền 86.000.000 đồng: Tại phiên tòa, anh B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với khoản tiền 16.000.000 đồng, chỉ yêu cầu anh T thanh toán cho anh 70.000.00 đồng. Anh T đồng ý thanh toán cho anh B 7.000.000 đồng nên yêu cầu của anh B là có căn cứ chấp nhận. Anh B rút một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đ và anh T được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu phản tố của anh B được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 422, 463, 466, 468, 472, 481, 482 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các điều 131, 132 của Luật nhà ở;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và anh Trương Thành T.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng thuê nhà giữa anh Trương Thành T với anh Cao Thái B đối với căn nhà tọa lạc tại số 178, HL, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Buộc anh Cao Thái B, ông Phạm Minh Đ1, bà Nguyễn Kim Lh, chị Phạm Nguyễn Tú U, cháu Cao Mỹ K (Phạm Cao Mỹ K), Cao Thiên Ph (Phạm Cao Thiên Ph) đi nơi khác.

Buộc anh Cao Thái B thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền thuê nhà 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thành T và ông Nguyễn Văn Đ về việc đòi anh Cao Thái B trả lại các tài sản gồm: 01 bộ trường kỷ đầu lân chân móng 03 thành gồm 02 ghế, 01 bàn; 01 mặt bàn hình chữ nhật chiều ngang 97cm, chiều dài 197cm; 01 ghế hình người nổi; 01 bình đựng rượu lớn nhũ

vàng; 01 tủ LU UY kiểu Pháp; 01 tủ kiểu lùn dùng để đựng ly có khắc chạm hoa văn.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, anh Cao Thái B không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2 - Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Cao Thái B.

Buộc anh Trương Thành T thanh toán cho anh Cao Thái B số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh B về việc yêu cầu anh Trương Thành T thanh toán cho anh số tiền 16.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Cao Thái B có đơn yêu cầu thi hành án, anh Trương Thành T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí. Ông Đ đã được miễn dự nộp án phí, án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Buộc anh Trương Thành T phải chịu 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngày 28/6/2022 anh Trương Thành T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (theo lai thu số 0001643), đối trừ chuyển thu nộp ngân sách nhà nước 300.000 đồng. Anh T còn phải nộp tiếp 3.200.000 đồng (*ba triệu hai trăm nghìn đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Buộc anh Cao Thái B phải chịu 1.750.000 đồng (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc anh Cao Thái B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Ngày 29/7/2022 anh Cao Thái B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (theo lai thu số 0001809). Đối trừ chuyển thu nộp ngân sách nhà nước 2.050.000 đồng (*hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), anh B được nhận lại 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4 - Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn Đ, anh Trương Thành T, anh Cao Thái B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án. Ông Phạm Minh Đ1, bà Nguyễn Kim L, chị Phạm Nguyễn Tú U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân